TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2023.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ – TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành và bà Hoàng Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 111/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2023 về việc tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2023 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn*: **Bà Nguyễn Thị Mỹ Nh -** sinh năm: 1986.
Địa chỉ: Tổ 7, ấp Ph L, xã Ph S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- *Bị đơn*: **Ông Nguyễn Văn M** – sinh năm: 1984.
Địa chỉ: Tổ 7, ấp Ph L, xã Ph S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Nh trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn M tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/11/2009.

Trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, ông MiL thường xuyên ăn nhậu rồi kiếm cớ gây chuyện với bà mặc dù bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông MiL không thay đổi dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã nhau rồi ông MiL còn

dọa mua xăng đốt nhà. Từ năm 2017 đến tháng 3/2023, tuy sống chung nhà nhưng vợ chồng không ai quan tâm ai, mạnh ai người đó sống và từ ngày 15/3/2023 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Vì tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung là các cháu Nguyễn Tuấn Kh – sinh ngày 21/6/2010, Nguyễn Ngọc Lan Kh – sinh ngày 19/10/2018 và Nguyễn Ngọc Mỹ A – sinh ngày 26/12/2020. Khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu Nguyễn Tuấn Kh, Nguyễn Ngọc Mỹ A và giao cháu Nguyễn Ngọc Lan Kh cho ông M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ Nh tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/11/2009.

Trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, giữa ông và bà Nhiên không thống nhất được việc mua bán đất rẫy nên vợ chồng xảy ra cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2023 đến nay. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà Nh, ông không đồng ý vì ông vẫn còn tình cảm với bà Nh và mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung là các cháu Nguyễn Tuấn Kh – sinh ngày 21/6/2010, Nguyễn Ngọc Lan Kh – sinh ngày 19/10/2018 và Nguyễn Ngọc Mỹ A – sinh ngày 26/12/2020. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc Lan Kh và giao các cháu Nguyễn Tuấn Kh, Nguyễn Ngọc Mỹ A cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, nguyên đơn đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 85, 89, 90, 91, 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ Nh cho bà Nguyễn Thị Mỹ Nh được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Tuấn Kh – sinh ngày 21/6/2010, Nguyễn Ngọc Mỹ A – sinh ngày 26/12/2020 cho bà Nguyễn Thị Mỹ Nh trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Ngọc Lan Kh – sinh ngày 19/10/2018 cho ông Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chưa bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung do các bên không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nh phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Xác định tư cách đương sự bà Nh là nguyên đơn và ông M là bị đơn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tống đạt văn bản tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn M. Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đương sự không có ý kiến gì. Ngày 13/6/2023, Tòa án mở phiên tòa nhưng do ông Nguyễn Văn M vắng mặt lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa là ngày 30/6/2023. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù ông Nguyễn Văn M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Nh và ông Nguyễn Văn M kết hôn là do tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Phú Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/11/2009, theo quy định của pháp luật đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại biên bản lấy lời khai của các đương sự, kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu,

chứng cứ khác thể hiện: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nh yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn M vì tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do cuộc sống chung không hạnh phúc, ông M thường xuyên nhậu nhoẹt rồi kiếm cớ gây sự với bà, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay, mạnh ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Mặc dù ông Nguyễn Văn M không đồng ý ly hôn nhưng quá trình giải quyết ông Nguyễn Văn M thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2023 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Ông M cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, có thái độ bỏ mặc, muốn ra sao thì ra, không có thiện trí hàn gắn đoàn tụ gia đình. Lời trình bày của bà Nh, ông M phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương xã Phú Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Xét thấy: Hôn nhân của bà Nh, ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nhiên là có cơ sở.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Mỹ Nh có 03 người con chung là các cháu Nguyễn Tuấn Kh – sinh ngày 21/6/2010, Nguyễn Ngọc Lan Kh – sinh ngày 19/10/2018 và Nguyễn Ngọc Mỹ A – sinh ngày 26/12/2020. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Tuấn Kh, Nguyễn Thị Mỹ A và giao cháu Nguyễn Ngọc Lan Kh cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông Nguyễn Văn M yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Ngọc Lan Kh và giao cháu Nguyễn Tuấn Kh, Nguyễn Ngọc Mỹ A cho bà Nhiên trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy: Cháu Nguyễn Tuấn Kh có nguyện vọng ở với bà Nh, cháu A hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi và đang ở với bà Nhiên được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, khi ly hôn bà Nh có nguyện nuôi dưỡng các cháu Kh, A và giao cháu Khuê cho ông M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn M đồng ý về nuôi con chung theo yêu cầu của bà Nh. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần cho con nên căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Tuấn Kh, cháu Nguyễn Ngọc Mỹ A cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Ngọc Lan Kh cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nh phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận toàn bộ ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nh được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Mỹ Nh có 03 người con chung là các cháu Nguyễn Tuấn Kh – sinh ngày 21/6/2010, Nguyễn Ngọc Lan Kh – sinh ngày 19/10/2018, Nguyễn Ngọc Mỹ A – sinh ngày 26/12/2020.

Giao cho ông Nguyễn Văn M có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Lan Kh. Giao cho bà Nguyễn Thị Mỹ Nh có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung là các cháu Nguyễn Tuấn Kh, Nguyễn Ngọc Mỹ A. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Mỹ Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nh phải chịu 300.000[đ] *(ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (về ly hôn) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0003218 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Bà Nh đã nộp đủ án phí.

5. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Phú;
- UBND xã Phú Sơn;
- Lưu (hồ sơ, án văn)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Bá Đức